

Số: 760 /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày 11 tháng 4 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình Bãi thải số 3 Nhà máy tuyển Tàng Loỏng;

Căn cứ Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thành lập Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường Dự án Đầu tư xây dựng công trình Bãi thải số 3 Nhà máy tuyển Tàng Loỏng;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam tại Văn bản số 2650/APTVN-BQL ngày 01/11/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình Bãi thải số 3 Nhà máy tuyển Tàng Loỏng. Văn bản số 371/APTVN ngày 11/3/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 113/TTr-STNMT ngày 12/3/2024,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam, địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, tổ 19, Phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình Bãi thải số 3 Nhà máy tuyển Tàng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng công trình Bãi thải số 3 Nhà máy tuyển Tàng Loỏng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại các Lô đất CN 11, CN 12, CN 13, CN 14, CN 15, CN 16, CN 17, CX 27, CX 28, Khu Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300100276 đăng ký lần đầu ngày 25/05/2005, đăng ký điều chỉnh lần 13 ngày 02/06/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp. Giấy chứng nhận đầu tư mã số 3330660213 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai cấp ngày 28/09/2022, thay đổi lần thứ hai ngày 05/06/2023.

1.4. Mã số thuế: 5300100276.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Bãi thải chất thải công nghiệp thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

1.6.1. Tổng vốn đầu tư dự án: 114.760.069.000 đồng.

1.6.2. Công suất: Dung tích bãi thải 4,5 triệu m<sup>3</sup>.

1.6.3. Quy mô: Dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại Dự án của Luật Đầu tư công); Thuộc dự án nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

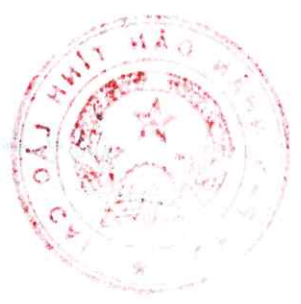
- TT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03 bản);
- Ban Quản lý khu kinh tế;
- UBND huyện Bảo Thắng;
- Cty TNHH MTV Apatit Việt Nam (02 bản);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Hải**

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date, located in the upper right quadrant of the page.



## Phụ lục I

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 760/GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Nước thải phát sinh từ nước chảy tràn bề mặt bãi thải, bề mặt đê chắn, dọc sườn đồi thượng lưu.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Suối Phú Hợp thuộc thôn Phú Hợp 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

**2.2. Vị trí xả nước thải**

- Vị trí xả thải: 02 cửa xả từ hồ lắng xả vào rãnh gom dẫn ra khe suối, nguồn tiếp nhận suối Phú Hợp, thuộc thôn Phú Hợp 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Cửa xả số 1: Tọa độ: X= 2465340,55; Y = 438602,77 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45' múi chiếu 3°).

- Cửa xả số 02: Tọa độ X= 2465315,26; Y = 438626,82 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45' múi chiếu 3°).

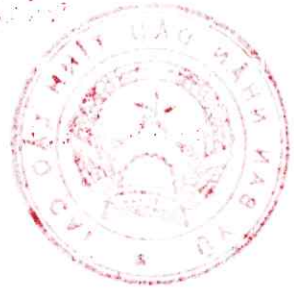
**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. (lưu lượng xả trung bình 755 m<sup>3</sup>/ngày.đêm)

a) **Phương thức xả nước thải:** Tự chảy, xả mặt.

b) **Chế độ xả nước thải:** gián đoạn.

c) **Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:** Nước thải qua hồ lắng xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) với  $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,0$ ; cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
1	Màu	Pt/Co	150
2	pH	-	5,5- 9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	45
4	COD	mg/l	135
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	90
6	Chì	mg/l	0,45
7	Đồng	mg/l	1,8
8	Mangan	mg/l	0,9



STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
9	Sắt	mg/l	4,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9
11	Amoni (tính theo N)	mg/l	9
12	Tổng nitơ	mg/l	36
13	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,4
14	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000

d) Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

#### 1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mặt, nước thải từ các nguồn phát sinh

Nước mưa, nước mặt được thu gom, thoát theo 03 tuyến:

- Tuyến 01: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt bãi thải, thấm qua lớp bùn thải được thu gom bằng cống đứng thu nước (D2200), kết cấu bằng thép dày 11mm, đặt tại khu vực trong lòng bãi thải và được nối với cống thu nước nằm ngang xuyên qua đê chắn (D1500), kết cấu bằng thép dày 10mm, tổng chiều dài 93m, nước thải theo đường ống dẫn về ngăn điều tiết (kích thước 5m x 3m x 3,5m), sau đó chảy vào hồ lắng (02 ngăn; tổng dung tích 8500 m<sup>3</sup>). Nước thải sau hồ lắng theo khe suối chảy ra suối Phú Hợp.

- Tuyến 02: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đê chắn và sườn đồi được thu gom bằng hệ thống rãnh hở (xây đá) dẫn về 02 cống tròn cuối chân đê (D1000) kết cấu bê tông cốt thép vào 02 ngăn hồ lắng (tổng dung tích 8500 m<sup>3</sup>). Nước thải sau hồ lắng qua cửa xả vào rãnh dẫn nước ra khe suối chảy vào suối Phú Hợp.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

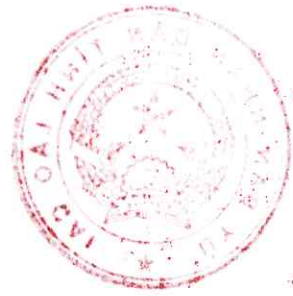
- Công trình xử lý: Hồ lắng 02 ngăn tại hạ lưu (Diện tích 0,41ha; Chiều sâu 3m; thể tích 8.500m<sup>3</sup>, chia làm 02 ngăn mỗi ngăn có thể tích 4.250 m<sup>3</sup>/ngăn; Kết cấu mái hồ lắng được gia cố xây bằng đá); Tường ngăn: có kết cấu bằng đá, chiều cao 4m. Tường bao xung quanh hồ lắng là tuyến đường (có chiều rộng 5m; kết cấu mặt bằng đá dăm cấp phối).

- Quy trình xử lý nước thải: Nước mưa chảy tràn → ngăn điều tiết → hồ lắng 02 ngăn → 02 cửa xả vào nguồn tiếp nhận (suối Phú Hợp, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

- Dự án không thuộc đối tượng quan trắc môi trường tự động liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố





- Đảm bảo vận hành hệ thống thoát nước theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi sự biến động bề mặt tại khu vực đê chắn và hố lắng để ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của cống thoát nước qua đê (lưu ý vào mùa mưa), nếu thấy có dấu hiệu cống không vận hành và không có khả năng thoát nước cần thực hiện các biện pháp ứng phó kịp thời.
- Phát quang, gia cố các vị trí bị sạt lở rãnh thu nước mặt xung quanh hố lắng, đảm bảo tiêu thoát kịp thời nước mặt khi có mưa lớn kéo dài.
- Thường xuyên kiểm tra các rãnh thoát nước thượng lưu, sườn đê, trong lòng hố lắng của bãi thải và các công trình phụ trợ đảm bảo an toàn khi có sự cố.
- Thường xuyên nạo vét hố lắng không để bùn quá 1/3 chiều cao của hố, thực hiện phương án xúc bùn từ hố lắng về bãi thải liên tục để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.
- Bố trí máy bơm dự phòng để xử lý nước thải khi có sự cố. Huy động các máy móc, thiết bị, vật tư, phương tiện, cần thiết để phục vụ cho công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục các hậu quả của sự cố.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án tạo cảnh quan khu vực dọc đê chắn chân bãi thải: hạn chế sụt lún, trượt đê cục bộ, đảm bảo kết cấu đê.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**2.1. Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm:** Dự kiến 03 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

**2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:** Hố lắng dung tích 8.500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

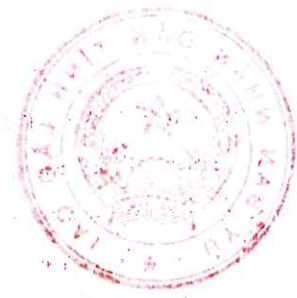
**2.2.1. Vị trí lấy mẫu:** Nước thải sau hố lắng đầu nối vào suối Phú Hợp.

**2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau hố lắng và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra ngoài môi trường theo quy định tại mục 2.3 Phần A phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chủ đầu tư tự quyết định việc quan trắc chất thải nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

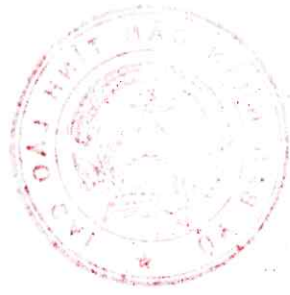
**3.1. Thu gom, xử lý nước thải:** Bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục 1 này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.



**3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực:** Thiết bị, vật tư, nhân lực để vận hành thường xuyên các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án, đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (Hệ thống thu gom nước thải đầu nối vào suối Phú Hợp).

**3.3. Điểm xả thải:** Bố trí hồ ga xả thải và phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trường hợp có thay đổi phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

**3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật:** Khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục II**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 760/GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy xúc, máy gạt tại bãi thải;
- Nguồn số 02: Phương tiện vận tải ra vào bãi thải;

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí phát sinh: Trong phạm vi dự án khu vực bãi đổ thải và tuyến đường vận chuyển từ hồ thải số 1 về bãi thải. Thôn Phú Hợp 1, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ địa lý khu vực phát sinh: Trong phạm vi dự án và tuyến đường vận chuyển.

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức gia tốc rung cho phép, dB	Ghi chú
1	06 giờ - 21 giờ	75	Khu vực thông thường
	21 giờ - 06 giờ	Mức nền	

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 26:210/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị; phương tiện, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên cho mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, lắp trên các thiết bị giảm thanh cho các máy móc có độ ồn cao.

- Quy định vận tốc tối đa không quá 10km/h, các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu vực bãi thải.

- Chủ dự án thực hiện nghiêm quy định thời gian vận chuyển đổ thải.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn độ rung do tác động ảnh hưởng của dự án.

**Phụ lục III**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ**  
**ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 760 /GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh**

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (m <sup>3</sup> /năm)		
		Năm 1	Năm 2	Năm 3
1	Bùn thải quặng đuôi	1.414.000	1.500.000	1.586.000
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>4.500.000</b>		

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Khu vực đò thải có diện tích đất 21 ha; Bãi thải bố trí 01 đê chắn (Kết cấu: Bề mặt đất có chiều dài 676,56 m, chân đê rộng trung bình từ 16m-105m; chiều rộng nền đê từ 5m-10 m; chiều cao đê tại vị trí lớn nhất 27m tại vị trí cao trình cos+130). Đê chắn chia thành 02 đoạn:

- Đoạn 1 (từ cọc 1 đến cọc 19): Chiều dài 250,32 m, chiều rộng, nền đê 5m; chiều rộng mặt đê 3,5m; mặt đê được gia cố bằng lớp đá. Chân taluy giáp sườn đồi xây dựng rãnh thoát nước và gia cố bằng đá.

- Đoạn 2 (từ cọc 19 đến cọc 47): Chiều dài 426,24 m; Chiều rộng nền đê 10m; Chiều rộng mặt đê 7m; mặt đê được gia cố bằng lớp đá cấp phối.

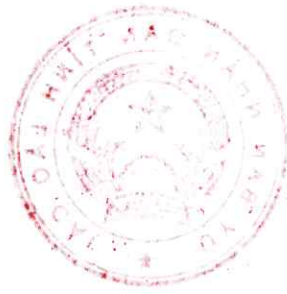
**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:** Thực hiện việc phân định, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải thông thường theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, triển khai kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm túc quy trình đổ thải, thường xuyên kiểm tra bề mặt bãi thải trước khi cho xe vào đổ thải.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 02/2022/NĐ-CP của Chính phủ.



ĐƠN

**Phụ lục IV****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 760/GPMT-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam có trách nhiệm san gạt mặt bằng đảm bảo phòng ngừa sạt lở, chiều cao khu vực đổ thải (đền cos+145) đảm bảo theo quy định, duy trì hệ thống thu gom xử lý nước chảy tràn bề mặt bãi thải; rà soát gia cố đảm bảo an toàn tuyến đê chắn chống trôi trượt trước khi hoàn trả, bàn giao mặt bằng cho địa phương, cơ quan quản lý khi dự án kết thúc.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Nghiêm túc vận hành quy trình đổ thải theo đúng quy định. Đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của của người dân khu vực xung quanh dự án.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành của dự án theo quy định.

6. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình vận chuyển, đổ thải: Tưới nước dập bụi, thường xuyên thu gom bùn đất, chất thải vương vãi trên tuyến đường vận chuyển.

7. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật bảo vệ môi trường (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.



